

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MINH
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 5 năm 2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Bình;

2. Bà Mua Thị Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Yên Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-DS, ngày 29 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Lù Mí L; sinh năm: 1991; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Trồng trọt; căn cước công dân số: 002091001985 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an cấp ngày 27/4/2021; địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt (đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 29/4/2025).

2. **Bị đơn:** Chị Vừ Thị M; sinh năm: 1992; dân tộc: Mông; địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 09/5/2024, bản tự khai ngày 07/02/2025, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/4/2025 và quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lù Mí L trình bày: Anh L kết hôn với chị Vừ Thị M, sinh năm 1991 vào ngày 15/6/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì và sinh được 04

con chung với nhau là Lò Thị P, sinh ngày 17/10/2010; Lò Mí L1, sinh ngày 02/5/2012; Lò Thị H, sinh ngày 02/8/2013; Lò Văn T, sinh ngày 17/01/2015.

Đến ngày 08/11/2015, chị Lò Thị M đã tự ý bỏ nhà đi biệt tích đến nay chưa trở về, không có tin tức gì, mặc dù anh L cùng hai bên gia đình cũng đã liên lạc tìm kiếm nhiều lần nhưng không biết chị M ở đâu, còn sống hay đã chết.

Kể từ khi chị M bỏ đi biệt tích đến nay cũng đã được 08 năm, anh L cũng đã làm thủ tục tìm kiếm trên Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông, báo công lý, công thông tin điện tử của Tòa án nhân dân cho đến nay vẫn không có tin tức gì về chị M, nên ngày 06/11/2023 Lữ làm đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự tại Tòa án nhân dân huyện Yên Minh về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích đối với chị M, ngày 05/4/2024 Tòa án nhân dân huyện Yên Minh đã ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2024/QĐST-VDS về việc tuyên bố một người mất tích đối với chị Lò Thị M, cho đến nay Quyết định nêu trên của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà vẫn chưa có tin tức gì về chị M hiện đang ở đâu. Trong suốt thời gian chị M bỏ đi anh L đã một mình nuôi các con chung. Anh L nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài tình trạng như hiện tại được nữa do vậy anh giữ nguyên yêu cầu về đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lò Thị M.

Về con chung: Anh L và chị M có với nhau 04 con chung gồm Lò Thị P, sinh ngày 17/10/2010; Lò Mí L1, sinh ngày 02/5/2012; Lò Thị H, sinh ngày 02/8/2013; Lò Văn T, sinh ngày 17/01/2015. Khi ly hôn anh L đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con, thời điểm giao con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Anh L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn là chị Lò Thị M đã bị Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 02/2024/QĐST-VDS, ngày 05/4/2024. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ đối với chị Lò Thị M nhưng chị M không có mặt để tham gia tố tụng.

Tại Biên bản xác minh ngày 24/02/2025 đối với ông Vàng Mí V – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang cung cấp: Chị Lò Thị M, sinh năm 1992 và anh Lò Mí L, sinh năm 1991 nơi cư trú thôn S, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang, đăng ký kết hôn ngày 15/6/2013 tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn chị M và anh L chung sống với nhau tại thôn S, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống chị M, anh L sinh được 04 con chung với nhau là Lò Thị P, sinh ngày 17/10/2010; Lò Mí L1, sinh ngày 02/5/2012; Lò Thị H, sinh ngày 02/8/2013; Lò Văn T, sinh ngày 17/01/2015. Đến ngày 08/11/2015, chị Lò Thị M đã tự ý bỏ nhà đi biệt tích đến nay chưa trở về, không có tin tức gì, mặc dù anh L cùng hai bên gia đình cũng như chính quyền địa phương đã liên lạc tìm kiếm nhiều lần nhưng không biết chị M ở đâu, còn sống hay đã chết. Ủy ban nhân dân xã cũng đã niêm yết các thủ tục tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật cho đến nay vẫn chưa thấy có tin tức gì về chị M. Hiện 04 con chung của chị M và anh L đang

sinh sống, học tập cùng anh L tại thôn S, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang, các cháu đều đang được anh L nuôi dưỡng chăm sóc tốt, phát triển bình thường, không có hành vi bạo lực đối với các cháu; căn cứ tình trạng hôn nhân hiện tại Ủy ban nhân dân xã thấy rằng mục đích hôn nhân giữa hai anh L, chị M đã không còn hạnh phúc, do không sinh sống cùng nhau đến nay đã gần 10 năm, tình trạng hôn nhân như vậy không thể tiếp tục kéo dài thêm được nữa, có đủ căn cứ để giải quyết việc ly hôn theo yêu cầu của anh L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự được thực hiện đúng theo quy định của bộ Luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Lù Mí L, cho anh L được ly hôn với chị Vũ Thị M. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Miễn cho anh Lù Mí L toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Lù Mí L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Vũ Thị M, nơi cư trú cuối cùng tại thôn S, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng

mặt và giữ nguyên các yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết vụ án; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Mí L và chị Vũ Thị M có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 15/6/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa anh Lò Mí L và chị Vũ Thị M là hợp pháp.

[5] Bị đơn chị Vũ Thị M đã bị Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số: 02/2024/QĐST-DS, ngày 05/4/2024.

[6] Về căn cứ cho ly hôn: Anh Lò Mí L là chồng của chị Vũ Thị M là người bị Tòa án tuyên bố mất tích xin ly hôn, nên yêu cầu ly hôn với chị M của anh L là có căn cứ, phù hợp, đúng với quy định tại khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[7] Về con chung: Anh L và chị M có với nhau 04 con chung gồm Lò Thị P, sinh ngày 17/10/2010; Lò Mí L1, sinh ngày 02/5/2012; Lò Thị H, sinh ngày 02/8/2013, Lò Văn T, sinh ngày 17/01/2015. Khi ly hôn anh L đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con, thời điểm giao con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của anh L về con chung là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản, công nợ chung: Anh Lò Mí L xác nhận không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai hay ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Nguyên đơn anh Lò Mí L là người dân tộc thiểu số sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, anh L đã có đơn xin miễn án phí nên cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lù Mí L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lù Mí L được ly hôn với chị Vừ Thị M.

2. Về con chung: Giao các cháu Lù Thị P, sinh ngày 17/10/2010; Lù Mí L1, sinh ngày 02/5/2012; Lù Thị H, sinh ngày 02/8/2013; Lù Văn T, sinh ngày 17/01/2015 cho anh Lù Mí L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời điểm giao con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) cho anh Lù Mí L.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về thi hành án dân sự: Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Yên Minh;
- Chi cục THADS H Yên Minh;
- UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đặng

